TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29-4-2021
V/v tranh chấp: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Trọng Q.**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Võ Quang T.**
2. Ông **Huỳnh Quan L.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hoàng Kim A** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Trần Kim H** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 632/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Phương D**, sinh năm 1953 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: 37/4/5, đường Ngô Tất T, Phường 21, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí M.

2. Bị đơn: Ông **Phan Chí C**, sinh năm 1956 (vắng mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số 14, đường 61, Nguyễn Văn L, ấp Trường T, xã Trường H, thị xã Hòa T, tỉnh Tây N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 09/11/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Phương D trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông C chung sống với nhau từ năm 2000 do tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 07/4/2000 tại Ủy ban nhân dân Phường 21, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng sống chung thời gian đầu hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính tình nên vợ chồng đã ly thân hơn 20 năm. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà D yêu cầu được ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà trình bày không có.

Về tài sản chung: Bà trình bày không có.

Về nợ chung: Bà trình bày không có.

- Bị đơn: Ông Phan Chí C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông C không đến Toà án để dự phiên hoà giải và dự phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn là bà D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn là ông C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần mà vẫn vắng mặt không rõ lý do, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà D, ông C là phù hợp theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Bà D và ông C chung sống với nhau từ năm 2000 do tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống chung thời gian đầu hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính tình, đã ly thân hơn 20 năm. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà D yêu cầu được ly hôn với ông C. Đối với yêu cầu ly hôn của bà D nhưng ông C không đến Tòa án để giải quyết mâu thuẫn là không có thiện chí hàn gắn. Xét thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân của hai người không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D là có căn cứ.

Về con chung: Bà D trình bày không có.

Về tài sản chung: Bà D trình bày không có.

Về nợ chung: Bà D trình bày không có.

Từ phân tích trên, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Phương D đối với ông Phan Chí C.

Tính án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Ông Phan Chí C có nơi cư trú tại nhà số 14, đường 61, Nguyễn Văn L, tổ 4, ấp Trường T, xã Trường H, thị xã Hòa T, tỉnh Tây N nên Tòa án nhân dân thị xã Hòa T, tỉnh Tây N thụ lý vụ án là đúng theo quy định tại Điều của 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thu thập chứng cứ cho đến khi xét xử, nguyên đơn là bà D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn là ông C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông C vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bà D, ông C là đúng với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông C chung sống với nhau từ năm 2000 do tự nguyện, có đăng ký kết hôn, hôn nhân của ông bà là hợp pháp được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Vợ chồng sống chung hạnh phúc thời gian đầu, nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn do tính tình hai người không hợp nhau, bất đồng quan điểm, đã ly thân hơn 20 năm, nay bà D cương quyết ly hôn với ông C. Xét thấy, bà D và ông C không còn quan tâm chăm sóc cho nhau, tình cảm vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D là phù hợp.

[3.2] Về con chung: Bà D trình bày không có.

[3.3] Về tài sản chung: Bà D trình bày không có.

[3.4] Về nợ chung: Bà D trình bày không có.

[4] Về án phí: Bà D là người cao tuổi nên được miễn tiền án ph.

[5] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành là hợp lý cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Phương D đối với ông Phan Chí C. Bà Nguyễn Phương D được ly hôn với ông Phan Chí C.

2. Về con chung: Bà D trình bày không có.

3. Về tài sản chung: Bà D không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà D không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà D là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- CC.THADS thị xã Hòa Thành;
- UBND Phường 12, quận Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.